

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày 02 - 8 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thúy Vân và bà Dương Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2022/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Xuân Đ, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Trà L, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh Đỗ Xuân Đ trình bày:

Anh và chị Lê Thị Trà L đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/7/2015 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống ở quê anh tại tỉnh Kon Tum, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến ngày 08/12/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: chị L cho rằng cuộc sống ở quê chồng khó khăn, chị xin phép đưa con về quê chị L tại xã T, huyện B thăm ngoại nhưng ở lại sinh sống luôn mà không hỏi ý kiến của anh. Năm 2016 anh ra quê chị L sinh sống cùng với bố mẹ chị L, mặc dù sau đó anh chị có thêm một con chung, nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì bất đồng quan điểm sống không thể hòa hợp được; chị L không hề có ý định quay trở lại Kon Tum sinh sống cùng anh, do đó, năm 2019 anh phải rời quê vợ trở lại Kon Tum. Kể từ đó cho đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại, tình cảm vợ chồng không còn nên anh làm đơn xin ly hôn chị L.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là Đỗ Việt A, sinh ngày 15/8/2014 và Đỗ Thực Quỳnh N, sinh ngày 22/12/2018. Từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, các con sống cùng với chị L nên sau khi ly hôn, anh muốn giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng các con. Anh cấp dưỡng tiền nuôi các con cùng chị L mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung của vợ chồng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn - chị Lê Thị Trà L: Tại thời điểm anh Đ nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Đ đã gửi các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện để thông báo cho chị L biết. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý, Thông báo phiên hòa giải và Giấy triệu tập thông qua đường Bưu chính, chị L đã nhận được nhưng đều vắng mặt không có lý do. Ngày 08/6/2022, Tòa án phối hợp với UBND xã T tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập cho chị L, chị L đi làm nên mẹ đẻ chị L là bà Hoàng Thị Y nhận và cam đoan sẽ giao cho chị L. Đồng thời, Tòa án trực tiếp đến nơi chị L làm việc tại Cơ sở thu mua, chế biến thủy, hải sản Ngọc H ở thôn T, xã T, huyện B để tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị L, nhưng chị L trốn tránh không phối hợp làm việc với Tòa án. Vì chị L cố tình trốn tránh và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được, đồng thời ban hành và niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên tòa vào ngày 12/7/2022, tại phiên tòa, chị L vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L tiếp tục vắng mặt không có lý do. Anh Đ giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị L và giữ nguyên nguyện vọng giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng các con Đỗ Việt A, Đỗ Thực Quỳnh N; anh có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng với chị L mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con 1.500.000 đồng/tháng), kể từ tháng 8/2022 cho đến khi các con của anh chị tròn 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện anh Đỗ Xuân Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch giải quyết ly hôn đối với chị Lê Thị Trà L, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; chị Lê Thị Trà L có nơi cư trú là thôn Tiên Phong, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn - chị Lê Thị Trà L cố tình vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, vì thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án đã hết nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 12/7/2022, tuy nhiên, Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa vì chị L vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị Trà L tiếp tục vắng mặt không có lý do. Trước đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ nhất ngày 12/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai ngày 02/8/2022

đúng theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc chị Lê Thị Trà L vắng mặt tại các phiên tòa là cố ý không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Lê Thị Trà L.

[2] Về giải quyết yêu cầu của đương sự:

Anh Đỗ Xuân Đ và chị Lê Thị Trà L đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum ngày 29/7/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do chị L không chịu được hoàn cảnh khó khăn ở quê chồng nên đưa con bỏ về quê ngoại sinh sống. Sau khi chị L đưa con về quê, anh Đ đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng bằng việc về quê chị L cùng sinh sống. Tuy nhiên, do tình cảm phai nhạt, chị L không chịu quay trở lại quê chồng, hai bên bất đồng quan điểm nên mâu thuẫn tiếp tục xảy ra dẫn đến năm 2019 anh Đ phải trở vào quê, anh chị sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị L. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chị L biết được anh Đ có yêu cầu ly hôn chị nhưng khi Tòa án triệu tập làm việc chị đều vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện chị L không còn tình cảm gì với anh Đ, không mong muốn tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình với anh Đ. Qua đó, Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng của anh Đ, chị L đã hết, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận xử cho anh Đỗ Xuân Đ được ly hôn chị Lê Thị Trà L là phù hợp.

Về con chung: Theo lời khai của anh Đ cũng như bản sao Giấy khai sinh số: 41/2015 ngày 23/02/2021 của UBND xã S, huyện S; Trích lục khai sinh số: 59/TLKS-BS ngày 13/02/2019 của UBND xã T, huyện B xác nhận, anh Đ và chị L có 02 con chung tên là Đỗ Việt A, sinh ngày 15/8/2014 và Đỗ Thục Quỳnh N, sinh ngày 22/12/2018. Tại phiên tòa, anh Đ giữ nguyên nguyện vọng giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng các con là con Đỗ Việt A và con Đỗ Thục Quỳnh N vì kể từ khi anh chị sống ly thân các con sống cùng chị L; anh có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi con mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 8/2022 cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Theo Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân của Công an xã Thanh Trạch, thể hiện các con Đỗ Việt A và Đỗ Thục Quỳnh N đang sinh sống tại thôn Tiên Phong, xã Thanh Trạch. Do quá trình giải quyết vụ án chị L không phối hợp làm việc với Tòa án nên Tòa án cũng không thể lấy ý kiến của cháu Đỗ Việt A. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại các con chung của anh chị đang sinh sống cùng với chị L, nên nguyện vọng của anh Đ là phù hợp. Do đó, cần áp dụng các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao chị Lê Thị Trà L trực tiếp nuôi các con Đỗ Việt A, sinh ngày 15/8/2014 và con Đỗ Thục Quỳnh N, sinh ngày 22/12/2018 là phù hợp, đảm bảo sự ổn định cuộc sống cũng như việc học tập của các cháu. Anh Đ có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con cùng với chị L mỗi con mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 8 năm 2022 cho đến khi con Đỗ Việt A và con Đỗ Thục Quỳnh N lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu, chị L không có ý kiến gì, nên không xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Anh Đỗ Xuân Đ phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Xuân Đ, xử cho anh Đỗ Xuân Đ được ly hôn chị Lê Thị Trà L.

2. Về quan hệ con chung: Giao chị Lê Thị Trà L trực tiếp nuôi dưỡng các con Đỗ Việt A, sinh ngày 15/8/2014 và con Đỗ Thực Quỳnh N, sinh ngày 22/12/2018. Anh Đỗ Xuân Đ có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con cùng với chị L mỗi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 8 năm 2022 cho đến khi các con Đỗ Việt A và Đỗ Thực Quỳnh N lần lượt đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Anh Đ và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí vụ kiện: Anh Đỗ Xuân Đ phải nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/00003207 ngày 11 tháng 02 năm 2022. Anh Đ phải nộp tiếp số tiền án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bồ Trách;
 - Chi cục THADS huyện Bồ Trách;
 - TAND tỉnh Quảng Bình;
 - Các đương sự;
 - UBND xã S
- (GCNKH số: 20/2015, ngày 29/7/2015)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu